

NĂM THỨ NĂM - SỐ 120 ĐUỐC-TUỆ 15, Novembre 1939

PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUỆ

THÂN BÁO RA NGÀY 1^o VÀ 15

Báo quán ở chùa Quán Sứ N° 73 Richaoui, Hanoi



Chủ nhiệm : Nguyễn Năng Quốc
Chánh hội trưởng hội Phật-giáo
Quản-lý : Cung-đình-Bính

Chánh chủ bút: Phan-ehung-Thứ
Sư cụ chùa Bằng-Số
Phó chủ-bút: Dương-vân-Hiền
Sư cụ chùa Tế-Cát

GIA BAO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

	Số tra
Kính đáp bức thư hỏi đạo của ông Nguyễn-Đông	
Ý nghĩa kiếp nhân sinh	7
Việt-nam Thiên-tông thế-hệ (tiếp theo và hết) ..	13
Phát tổ Tâm dăng (tiếp theo)	15
Truy môn cảnh huấn	16
Giải đáp bức thư hỏi đạo (tiếp theo và hết) ..	19
Vấn Uyển	
Khóa-hư giảng-yếu (tiếp theo)	23
Bát-chĩa tám kinh chực giải (tiếp theo) ..	27
Có con gái Phật hai đầu (tiếp theo) ..	31
Cùng các Ngài Đại-lý chi hội Phật-giáo Địa phương	
Thời sự	36

LỜI ĐẠO CÂN CẤP

Các ngài Đốc giả Đuốc-Tuệ, ngài nào còn khiêm tốn báo từ 6 tháng một năm, hai ba năm, xin kíp gửi về cho bản báo tiện việc tính toán sổ sách và thu góp tiền lo việc chi-dụng ăn-loát. Ngài nào nhớ tới mà tiền báo vào cho, sớm một ngày ấy là ngài làm việc có đức với đạo với Phật và giúp cho bản báo.

Đuốc-Tuệ

Lại về tập Khóa-hư

KÍNH CÙNG NGÀI THANH KHẢ

Xem thơ Ngài rất kính phục là người chăm học Đạo, hai chữ « khát đạo » thực chỉ có Ngài xứng đáng. Nhưng chỉ tiếc rằng Ngài chỉ biết mà chưa biết hai

Tôi dịch bộ kinh Khóa-hư là theo bản Bồ-S không có niêm tụng gì cả, cứ dùng nguyên không hề sót một chữ nào. Ngài cứ mượn bản sơn mà xem tự rõ. Còn bản Tế-xuyên thì có niêm tụng, tôi có xem, sau này có thì giờ tôi sẽ bản để ngài rõ. Xin Ngài hoan hỉ cho.

Thiệu-Chừu

Kính đáp bức thư hỏi đạo

CỦA ÔNG NGUYỄN-ĐÔNG

Secrétaire de Résidences en congé à Quảng-ngãi

Đuốc-Tuệ chúng tôi tiếp được bức thư hỏi về đạo Phật ngày 3 Juillet 1939 của Ông Cư sĩ Nguyễn-Đông, chúng tôi rất lấy làm băn-bạc Cư sĩ đã vui lòng của chúng tôi đàm luận về mấy nghĩa triết-lý cao-siêu trong đạo Phật mà Cư sĩ yết ra trong thư.

Xem mấy câu hỏi của Cư sĩ, chúng tôi thấy rằng tầm nhập đạo của Cư sĩ đã sâu-xa, lưu tâm đến chỗ cốt-yếu của đạo Phật.

Bởi vậy xin theo trong thư lần-lượt giải đáp như sau :

1. Nguyễn Cư sĩ hỏi :

« - Muốn sự muôn vật trong vũ-trụ có phải là tâm tướng không ? Vậy cái thể của vũ-trụ vạn-hữu cũng là tâm phải không ?

Xin đáp :

« - Vạn hữu vũ-trụ có tính (cũng gọi là thể), có tướng.

Tính là hồn nhiên vốn có, là thiêng liêng, sáng láng; bất sinh bất diệt, tức đạo Phật gọi là Phật-tính, là Như-lai-tạng và cũng gọi là tâm.

Tướng là muôn sự muôn vật trong vũ trụ do tùy-duyên mà thành.

Bởi vậy tâm là thể hay là tính của vũ-trụ, còn muôn sự muôn vật trong vũ trụ đều chỉ là những cái giả-tướng duyên-hợp và do tâm tướng-tượng mà thấy ra đó thôi.

2. Nguyễn Cư sĩ hỏi :

« - Cái tâm chia ra không được, sao vạn-hữu lại chia ra từng cái được ?

Xin đáp :

« - Thừa xưa có tính hay là tâm mà không có tướng, sau tướng đã hiện thì tâm cũng phủ theo. Vậy tâm cũng như vạn hữu đều chia ra được, còn chia không được là tâm riêng của chúng sinh.

3. Nguyễn Cư-sĩ hỏi :

« - (Thành trụ hoại không), đến kiếp « không » thì sự vật thế-giới đều không, thì cái « không » ấy là « chơn-không » phải không ? vì đến kiếp thành lại sanh thế giới vạn-hữu.

Xin đáp :

« - Bản-thể thế-giới là bất-sinh bất-diệt, mà thế-giới thì tất có 4 kiếp không rồi lại thành, thành rồi lại không, nhưng đến cái kiếp « không » ấy cũng vẫn là bất diệt. Gọi là « không » là không thể lấy căn khi chúng sinh mà tiếp thụ lấy được, chứ cái thể ấy vẫn còn mà không tuyệt diệt hết đi đâu. Cũng gọi cái thể ấy là « chơn không » được, nhưng là « không một cách thực là thanh-tĩnh » chứ không phải là « không một cách thực là hết cả » không còn có gì.

Bởi bất-diệt nên mới lại thành ra thế-giới khác thành trụ hoại không mãi mãi.

4. Nguyễn Cư-sĩ hỏi :

« - Vạn-hữu vũ-trụ cũng là tâm, vậy thì vì sao mà mất linh-tri đi ?

Xin đáp :

« - Tâm là cái thể của vũ-trụ vạn-hữu mà không phải là vũ-trụ vạn-hữu. Tâm ấy vốn thiêng-liêng, sáng láng, tức là linh-tri của chúng-sinh. Chỉ vì chúng-sinh theo nghiệp luân-chuyển, bị màng vô-minh che lấp lấp linh-tri đi, chứ không phải là bị mất. Cũng như lửa vốn sáng, đem thấp vào các cái đèn có

bóng mà bị những cái bóng mờ nó che ánh sáng đi, chứ, hễ lửa trong đèn còn thì sáng chưa mất. Ấy gọi là « mất tánh tinh-tri » là thế, chứ thực thì vẫn không mất.

5. Nguyễn Cư sĩ hỏi :

— « Trong bài tụng của Đức Văn-thù có câu :

Tướng chứng thành quốc-độ, tri-giác nãi chúng sinh
想證成國土, 知覺乃眾生 » là nghĩa gì.

Xin đáp :

« - Câu kệ tụng của Văn-thù Bồ-tát chính là cái nghĩa mà tôi đang bàn với Nguyễn Cư-sĩ trên ấy. Nghĩa ấy là thế này :

« Tướng chứng thành quốc độ ».

Sở dĩ trong thế-giới mà phân biệt ra có quốc-độ này quốc-độ kia, chỉ là do sự tưởng-nghĩ nó tụ lại mà thành ra. Chứ đều cả phân-biệt thế-giới còn là cái không-hoa thì quốc-độ há phải là cõi đất có thực đâu. Nhưng trong chỗ không thực ấy vốn có cái thực, tức là :

« Tri giác nãi chúng sinh ».

Trong vạn-hữu của vũ-trụ có chúng sinh là giống có tri giác mà tri giác ấy tức là tánh linh-tri, là Phật-nhất, là tâm, là chân-như vốn có. Vậy có tánh-thể thực có ấy là tri-giác ở trong chúng-sinh, còn quốc-độ chỉ là sự tưởng tượng ra mà thôi :

Quốc-độ chỉ là nơi tưởng nghĩ,

Tri giác mới thực tánh chúng sinh.

6. Nguyễn Cư-sĩ hỏi :

« - Tự thụ-dụng-thân và tha-thụ-dụng-thân (báo thân) của Phật lúc nào cũng có (thường-hằng), hay là lúc nào ưng có mới có.

Xin đáp :

« - Pháp-thân mới là thường hằng vẫn có, còn báo-thân thì lúc nào ứng mới có. Vì có để mà thi hành công đức và hiển hiện thực trí của Phật. Trong tự chứng lấy sự vui vẻ của đạo pháp, ngoài tùy-duyên hóa-độ cho chúng sinh, ấy là hai báo-thân tự thụ-dụng và tha thụ-dụng.

7. Nguyễn Cư-sĩ hỏi :

« - Cái tự-thụ dụng-thân của Phật thì Phật với Phật mới thấy nhau đặng, thế thì trên cõi Phật không có hình-tượng, thì cái sự « có » của thân ấy cách làm sao ?

Xin đáp :

« Tự thụ-dụng thân là báo thân của Phật tùy lúc ứng có mới có, có để hiển hiện thực trí của Phật, để thi-hành công đức và trong tự chứng lấy sự vui vẻ về đạo pháp. Lúc đó là thân hình tướng thị-hiệu ra chư Phật. Cho nên Phật với Phật cùng thấy nhau, cùng ấn chứng với nhau là ở thân hình tướng ấy. Ấy là tự thụ dụng thân đó. Còn như đã không có hình tướng thì không có tự thụ dụng thân nữa.

Bởi vì pháp thân của Phật mới là thân vắng-lặng, tánh thể hõn-nhiên, không có hình tướng. Còn báo thân hay là « tự thụ dụng thân » là do pháp thân thị-hiệu ra khi ứng có, thì phải là thân hình tướng. Cho nên từ cõi Cực lạc là cõi Phật đến cõi trần-lao là cõi Tam giới. Trong Tam-giới từ cõi dục-giới đến cõi sắc-giới cho đến cõi vô sắc giới, phàm có chúng sinh, ứng làm công đức Phật đều thị hiện ra báo thân có hình tướng cả. Chứ nếu đã không có hình tướng thì là pháp-thân mà không phải là báo thân hay là tự thụ dụng thân.

Phàm thị hiện ra báo-thân là vì chúng sinh. Phật không có riêng một thế giới nào chỉ thuần những Phật mà không

có chúng sinh. Đã vì chúng sinh thì chúng sinh ở đâu, thuộc hình tướng gì, Phật thị hiện ra hình tướng ấy. Như ở cõi vô-sắc-giới, chúng sinh đều là thần thức cả, thì Phật cũng thị hiện ra thần thần-thức mà độ cho.

— Giải đáp sơ lược mấy vấn đề mà Cư-sĩ Nguyễn-Đông đã vui lòng cùng chúng tôi bàn luận, đến đây chúng tôi cảm xúc thấy vì mấy vấn đề cao sâu ấy mà chúng tôi đã được cùng Cư-sĩ giắt tay nhau ngợi hát trên con đường đạo một quãng dài. Xin Nguyễn Cư-sĩ từ-mã chứng minh.

D . N . T.

Ý nghĩa kiếp nhân sinh (1)

Một vấn đề mà từ bao thế-kỷ nay : nhà bác học trong phòng thí-nghiệm, nhà thông-thái vô đầu, bút tại trên các cuốn sách thường, bậc anh-hùng, sông pha trăm trận, bầy cố tìm, theo ý-tưởng riêng, mà chưa đạt tới mục-dịch chân chính !

Trên vũ-trụ này, người ta ngộ-nhận, ham mê các cuộc vui-thú, rồi vì không được toại-ý, mà mua lấy não, chuốc lấy sầu cùng cừu-oán ; đem trăm thứ lo-âu, cuồng-vọng làm đục bản cái Tâm thanh-tịnh.

Ta có thể ví như một bông sen tươi đẹp thơm tho bị chìm xuống đầm bùn lầy ô-trọc, mất hết cả sắc tía hương thanh !

Sự đó là vì hàng ngày ta phải liếp súc với bao nhiêu thứ mê-hoặc mình.

Muốn ăn ngon, muốn mặc đẹp, ham vinh-hoa, quý tiền-tài, muốn thỏa lòng thù oán : hại kẻ đồng-loại rồi gây nên tội ác gớm ghê !

(1) Bài giảng của ông Vũ-ngọc-Thanh giảng tại chùa Lương.

Vi. đâu nên nỗi ?

— Há chẳng phải là đề thỏ lỏng cuồng-vọng của xác-tật ư ?

Cho nên vì các cuồng-vọng về vật chất đó, ta càng ngày càng xa đạo lý và tự trói buộc vào tiền-trần-luân, mua lấy bao nhiêu là khổ-não, mà nguyên do chỉ vì : quá trọng cái thân mà trẽ-biếng cái tâm, ham vật-chất mà bỏ tính-thần Kinh Sutralamkara có nói :

« Cõi đời là chốn ngục-dường,

Là nơi u-ám, là trường Nạn-nguy ».

Sao ta không biết rằng : mọi sự trên cõi trần này đều là giả-dối cả và nạn khổ là đáng kinh-khủng ! Chuyện sau đây, là một chứng cứ hiển nhiên :

« Một ngày kia có một tội-nhân sắp bị cực-hình, sở-hãi quá trốn đi. Vua liền phái binh lính đi đuổi bắt rất gắt gao. Tên tù sợ quá, trốn xuống một cái hố sâu dưới đây những rần rết nhe nanh guồn khúc, nó sợ quá cố níu lấy miệng hố, dùng dằng không dám chui xuống mà không dám chạy ra sợ lính bắt. Liền kề miệng hố, may thay có 1 cây dây quí chín, tên tù chỉ nghĩ đến ăn quả, rồi lần lữa quẹo hẳn rần rết chực dưới hang, mà cũng không muốn ra khỏi hố nữa »

Tên tù đáng thương ấy là ta, là chúng sinh đắm đuối mê-mạn trong tội lỗi, cái hố thâm là cõi-trần ô-trọc này, quả ngọt làm tên tù quên mọi mọi sự nguy hiểm là cái điều vui thú nơi trần thế, và mạng-xa là địa-ngục đáng kinh !

Người ta khi đã bị cái giả của trần thế làm lạc, thì hưởng các vui thú nhất thời, quên hẳn ý nghĩa cuộc đời và không còn biết gì là tội lỗi và nguy hiểm nữa. Kẻ nhân sinh như thế, thực là khổ sở và lầm lạc vô cùng

Ôn-như-hầu trong « Tần-cung-Oân » đã phải thất vọng mà than rằng :

« Hân túc chướng làm sao đẩy tá,

Hay tiền oan hậu quả xưa kia ! »

Sự ham muốn vật chất đối với thân thể ta cũng như viên đá lửa, nếu đem sát mạnh vào nhau, lửa sẽ toé ra, nhưng nếu đem xa ra thì lửa cũng không còn nữa. Sự cảm-giác về dục-vọng cũng thế ! Sở dĩ sinh ra các thân ô trọc gắn với cái giả của vật chất luôn luôn cảm-dỗ, môn-trơn bằng ngũ-quan : mắt, mũi, miệng, tai và tứ chi ! Trông thấy một sắc tục, rồi ham muốn ; ngửi thấy một hương vị nhạt nhẽo mà cho là thanh ; rồi vì luôn luôn gắn với các cảm giác đó, ta bị cảm-dỗ, xa-ngã, đắm-đổ, phạm tội và chìm sâu mãi xuống vực thẳm trầm luân.

Nhà khoa học tây-phương có phân tách ánh sáng trắng thành ra 7 màu (expérience de Newton) đem 1 cục than đá đen sì, chế hóa thành 3600 màu khác nhau ! Đó một sự không tạo ra muôn ngàn sự không ! một điều khổ nào sẽ tạo ra muôn ngàn điều bức-bách, làm tiêu ma hết nghị lực, suy sệt, tin ngưỡng. Nói tóm lại tâm-thần bị lung lạc, tán lạn không sao định được nữa. Cũng như vòng thái dương sản loạn, bị bao nhiêu là mây mù che phủ mất cả ánh sáng lẫn tầm hơi. Đó là ham mê sự không mà bỏ sự có, mà càng như thế, đau khổ càng nhiều !

Sư Tồ Acvaghosha có nói rằng : « Càng nhiều ân-ái phù du, thì giờ vĩnh quyết càng thu lại gần ».

Bậc giác ngộ thấy nhân loại đau khổ như thế, liền đi tìm chân lý để tự giải thoát về cứu nhân-quần.

Đông và Tây trong công cuộc này có hai ý tưởng khác nhau ! Hai lý-thuyết : thực-tế và tinh-thần cùng đi tìm chân lý.

Đã 20 thế-kỷ nay, các nhà bác-học, cảm động vì khổ não của nhân loại ra công tìm kiếm, cho rằng: « Vật-chất đầy đủ là hạnh-phúc tuyệt-đích của kiếp nhân-sinh », liền đi tìm và đạt tới những cuộc phát minh rung-rợn: « Súng ống, chiến hạm, tiêm thủy-đỉnh, phi-cơ, súng cao-xạ, vô-tuyến-diện, xe hơi, toàn là đề mưu cầu sự hạnh phúc vật chất cả, nhưng nhân-loại có sung-sướng đâu !

Lấy vật-chất đầy đủ mong cho tâm-thần thư thái thực là cuồng vọng ! Lấy sự giả mong đạt tới sự có thì bao giờ cho ra chân-lý và hạnh-phúc.

Cho nên các nhà đại-đức liền hội-ý tìm căn nguyên mà tránh sự giả, khinh hẳn vật chất, không màng tới cái thân, tự giải thoát, gỡ sạch nợ luân-bối, không còn dính dáng gì với các cuồng-vọng trần-thế nữa.

Ôn-như-hầu ca-tụng mục-dịch đó bằng mấy vần thơ sau đây :

*« Lấy gió mát, trăng thanh kết bạn,
Mượn hoa đàm, đuốc tuệ làm duyên.
Thoát trần một gót thiên nhiên,
Cái thân ngoại vật là tiên trên đời ! »*

Vậy, ý-nghĩa kiếp nhân sinh là gì ?

— Là đề tìm đạo-lý.

Khi biết phân-biệt sự có và không, bỏ các cuồng vọng thì chân-lý sẽ sáng tỏ.

Đạo-lý làm tan sự ngu-tối làm cho tâm thần thư thái. Nhà giác-ngộ nhà đạo lý vượt hẳn lên trên các cuồng-vọng, thoát nạn đau khổ và hưởng hạnh phúc vô-biên !

Phật phán rằng : « Kẻ nào tâm-thần đã vững chắc như đá, không sao động, gặp vui không thích, gặp lo không buồn, thì không phải nạn khổ gì nữa ! »

Vậy phải tìm đạo lý ở đâu ?

Đạo lý là tâm, Phật là tâm !

Đã biết sự giả thì phải định tâm, bệ ý, đem hết lý-luận nả bỏ hết công-vọng, lòng sẽ trở nên bình-tĩnh và lành vô hạn. Dầu ở trường hợp nào mặc lòng dầu bị khiêu-kích đến bậc nào mà tâm-thần không súc động, không bị lung-lạc thì chính là nền-tảng của đạo lý đủ tìm thấy : lòng hiền được làm cho ta được hưởng hạnh-phúc cao-siêu.

Tuy-nhiên muốn tới mục-dịch ta cần phải có gan-dạ và nhất là lòng tin ngưỡng Vị, đạo lý sâu sa, mà trên đường tìm đạo. Trong mắt người trần, không biết bao nhiêu là nỗi khó-khăn, làm cho người ít kiên nhẫn, đôi khi lững-lự.

Đó là những trở-lực không đâu, mà người hành đạo vững-vàng, bao giờ cũng suy xét rồi kiên quyết một lòng ...

Người làm đạo chẳng nên vì thời gian lâu từ khi làm phúc cho đến khi được thưởng công. Vậy cần phải có nghị lực nả càng có nghị lực bao nhiêu lại càng có giá-trị bấy nhiêu !

Corneille có nói : « Nếu chiến-dấu không gặp trở lực gì thì sự vinh-quang cũng chẳng đáng là bao » ! (A vaincre sans péril, on triomphe sans gloire) (le Cid) Một câu phương ngôn tây lại có nói : « Không có đá hồng nào đẹp mà lại chẳng lẫn vào chiếc gai con », (Pas de rose sans épine, Pas de gloire sans péril).

Càng có nghị-lực và kiên nhẫn bao nhiêu, đạo lý càng thâm thù bấy nhiêu !

Khi đó suy xét 1 điều sẽ thấy được mười, cũng như người đứng trên đỉnh núi cao, phóng nhãn quang mà có thể bao quát được cả bốn phía.

Đức Tô-sư Phật-lồ bàn-độ (Vasubandhue) tức Thiên-thân bồ tát, tác-giả quyển « A-lý đạt-ma câu-xá luận » nhà đại-đức làm rạng danh Đại-thừa có nói :

« Chư Phật dùng ngụy lực nên đạt tới bến Giác. Các Ngài đã qua bể khổ, chính là trải qua sự sống, « thác tinh và tội. Nếu các Ngài đạt được mục-dịch « thì sao ta lại không ?

« Ta đây là những trang tri-thức, ta cũng có thể « noi theo cái gương vẽ vang đó được mà thoát khỏi « trầm luân ».

Được như thế đạo-lý sẽ sang. Minh hiểu và thương mình, rồi thương người. Sự hạnh phúc khi ấy biết lấy chi câu.

Phật phán rằng : « Dầu sự vui sướng vật-chất ở cõi trần hay cõi hồng lai có hoan lạc đều đâu, cũng không bằng 1 phần mười sáu sự thỏa mãn trong tâm người hết dục-vọng ».

Khi Ngài còn sinh thời vua Bimbisara có xin tóc và móng tay ngài để thờ phụng trong cung điện. Ngài có phán : « Bệ hạ có thể thờ các giấu tích ta trong điện được, cái đạo lý ta thì phải để trong tâm mới được ». Nhờ chí lý thay !

Ngài không cần sự thờ phụng bề ngoài, Lưu lễ vật nhiều thờ tượng và di tích, nhưng ngài muốn cho mọi người hiểu đạo ngài và cư sử hiền hòa, làm điều thiện và giữ các đức hạnh.

Đã hiểu đạo lý là làm, Phật là tâm thì mình được tự do suy nghĩ. Nhờ sự giác ngộ đó minh hiểu đạo lý cao siêu thì còn đâu là tội ác nữa. Các đức Phật, Bồ-tát, đều là người tìm được đạo lý, biết tu tâm, nên được hưởng hạnh phúc vô-thượng.

Ta nên noi gương các bậc Tiên-tiền đó, làm điều lành phúc đức, hiểu đạo lý, rồi khi đã giác ngộ và hiểu mình lại cứu và giúp người. Đó là ý nghĩa chân chính của kiếp nhân sinh !

A-di Đà Phật.

VIỆT-NAM THIÊN-TÔNG THẾ-HỆ

(tiếp theo và hết)

Đời thứ nhất — Thảo-đường 草堂 thiên-sư

Thảo-đường Thiên-sư trụ-trì ở chùa Khai-quốc, thành Thăng-long. Người truyền lại tông-phái Tuyết-thực Minh-giác.

Đời thứ hai — Có ba người.

1. Lý Thánh tông Hoàng-đế (1054-1069).

2. Bát-nhã thiên-sư.

Người trụ trì ở chùa Từ-quang Phúc-thánh 慈光福聖 và Trương-canh. Dịch-vương-hương 張耕,驛王鄉.

3. Ngộ-xá 遇赦 cư-sĩ.

Người ở làng Bảo-tài 保財 về Long-chương 龍彰.

(Ba vị này đều thừa tự Ngài Thảo-đường).

Đời thứ ba Có bốn người.

1. Ngô-tham Chính Ích 吳參政益.

Ngài Ích thừa-tự Ngài Thánh-lông Hoàng-đế.

2. Thiệu-minh Thiên sư 紹明禪師.

Ngài Thiệu-minh trụ-trì ở làng Yên-lãng 安朗 Vĩnh-hưng, thừa tự Ngài Bát-nhã Thiên-sư.

3. Không-lộ 空路 Thiên-sư.

Ngài không-lộ trụ-trì ở chùa Nghiêm-quang 嚴光, Hải-thanh 海淸, thừa tự Ngài Ngộ-xá Cư sĩ.

4. Định-giác 定覺 Thiên sư.

Ngài Định-giác tức là Ngài Giác-hải cùng Ngài Không-lộ đều thừa tự Ngài Ngộ-xá cư-sĩ. — Bản truyện Hai Ngài Không-lộ và Giác-hải đã chép vào phái Định sơ theo sách Nam tông đồ.

Cứ hai bản-truyện của Ngài Không-lộ và Giác-hải thì chỉ nói hai Ngài diều thờ Ngài Hà-trạch 荷澤 làm thầy. Ý giả Hà-trạch là nơi chùa của Ngài Ngộ-xá Cư-sĩ.

Đời thứ bốn. — Có bốn người.

1. **Đỗ Thái-phó-Vũ** 杜太傳武.

Người thừa-tự Ngài Thâm-chính-Ích, một thuyết nữa nói Người thừa tự Ngài Định-giác.

2. **Phạm-âm Thiên-sư** 梵音禪師

Người trụ-tri ở làng Thanh-dai, An-lạc, thừa-tự Ngài Thiệu-minh.

3. **Lý Anh-tôn Hoàng-đề.**

4. **Đỗ đô-Thiên tự** 杜都禪似.

Ngài và Anh-tôn Hoàng-đề đều thừa tự Ngài Không-lộ, một thuyết khác nói hai Ngài cùng thừa-tự Ngài Định-giác

Đời thứ năm. — Có bốn người.

1. **Trương Tam-tạng thiên-sư** 張三藏禪師.

Người thừa tự Ngài Phạm-âm, có chỗ nói Người thừa-tự Ngài Không-lộ hoặc Ngài Định-giác.

2. **Chân-huyền Thiên-sư** 真玄禪師

3. **Đỗ Thái-phó thường** 杜太傳常

Ba vị này đều thừa-tự Ngài Đỗ Đô-thiên, có chỗ nói Ngài Thái-phó Thường thừa-tự Ngài Tịnh . . 淨 . . Thiên-sư về tông-phái Kiến-xu.

4. (sót mất một vị)

Đời thứ sáu. — Có bốn người.

1. **Hải-tịnh Thiên-sư** 海淨禪師.

2. **Lý Cao-tông Hoàng-đề,**

3. **Quản-giáp Nguyễn-thức** 管甲阮訣.

Người là Xương-nhi Quản-giáp 倡兒管甲 (Kép hát á-đào)

Ba vị trên này đều thừa tự Ngài Trương Tam-tạng

4. **Phạm Pụng-ngự đẳng** 范奉御等.

Người thừa-tự Ngài Chân-huyền, có thuyết nói thừa-tự Ngài Thái phó Thường.

Phái tuyết-thục Minh-giác này cộng có sáu đời 20 vị truyền thụ đạo-thống. Trong 20 vị có 10 vị xuất-gia còn 10 vị là tại-gia. Trong 10 vị tại-gia thì 3 vị Hoàng-đế còn các quan, cư-sĩ và binh-dân. Một điều rất lạ là chủ quý đến ngôi Hoàng-đế, lĩng-mạn đến người kếp tất có đầu mà học Phật đều đắc đạo và đều truyền đạo, thực là trong khắp các nước theo Đại-thừa Phật-giáo xưa nay chưa từng thấy. Coi đó biết đạo Phật ở đời này không những hưng-thịnh mà lại còn viên thông diên kiếp nữa. Cái cơ sở dĩ hưng-thịnh là ở chỗ viên-thống liễu hoạt đó. Nghĩa là không phân biệt sang hèn, không rập nệ tịnh nhiễm, ai thiết đạo thì học, ai đắc đạo thì kế-thống và thiên-hạ qui theo. Bởi không phân tư cách nên người ta dễ học dễ tu, nhiều người tu học ấy là đạo sáng rõ mà thịnh-vượng. Thực là một đạo tuởng rất văn-minh hoạt bát. Đời sau càng câu nệ tư-cách, truyền càng hẹp, đạo càng mờ tối mà càng suy kém đi.

Đ. N. T.

PHẬT TỒ TÂM ĐĂNG

(tiếp theo) ;

12. Đề đa ca tôn giả

(Tờ thứ năm bên Thiên-chúc)

Kệ rằng:

通達本心法 Thông đạt bản tâm pháp,

無法無非法 Vô pháp vô phi pháp.

悟了同未悟 Ngộ liễu đồng vị ngộ,

無心亦無法 Vô tâm diệc vô pháp.

Đại ý bài kệ này nói: Pháp căn bản kia, nó hết cả chỗ lấy bỏ, nó không cả năng và sở, nếu hiểu xuất được

tâm pháp căn bản ấy, thì chứng được chốn hết thảy đều thanh tịnh, mà xa lìa được hẳn chỗ chấp là pháp với phi pháp. Tuy rằng ngộ rồi, cũng như chưa ngộ, y theo như cũ mà lùy duyên qua ngày, không còn có tâm với pháp gì mà có thể so tính được nữa vậy.

« Con người hiểu xuôi tâm như hư-không, không dùng tình lượng xét, mà lý tự nhiên đúng ».

13. Di già ca tôn giả

(Tờ thứ sau bên Thiên chúc)

Kệ rằng :

無心無可得 Vô tâm vô khả đắc,

說得不名法 Thuyết đắc bất danh pháp.

若了心非心 Nhược liễu tâm phi tâm,

始了心心法 Thủy liễu tâm tâm pháp.

Đại ý bài kệ này nói : Pháp-tính viên dung, căn trần lặng bật, cho nên không có tâm nào có thể cầu được không có pháp nào có thể chấp được. Kẻ nói là được, tức là người tăng trưởng cái thói kiêu mạn, không thể gọi là pháp được. Nếu hiểu tâm với phi-tâm, hết thảy đều không có thể cầu được, chấp lấy được, không có chỗ dính liu, mới hiểu được cái lẽ tâm tâm lặng bật, mà pháp tính cùng một tâm chân-như vậy. « Nếu hiểu tâm nào tâm nào cũng không có thể được, thì là rõng lặng hết. Thực rõ như đồng lửa, không có một vật gì đến gần được ».



Truy môn cảnh huân

Bài Tôn-lãng của ngài minh-giáo lung thuyên-sư.
Đạo hội phải tôn-lãng, vì sao thế? Tăng là người lấy Phật
háp làm tinh, lấy như-lai làm nhà, lấy chính-pháp làm
hầu, lấy tri-tuệ làm manh, lấy Thuyên-duyệt làm thức
n cho nên Tăng không có ý thế họ sang họ hèn, không
lành doanh tư cơ gia nghiệp, không trầu sửa hình hái,
không tham sống sợ chết, không đắm vào năm mùi dục
thế gian. Niếp tâm có định, biện mình có tuệ, nói
lời thì gọn trong ba độc (tham sân si) mà hết đời
không nhớ, nói định thời lịnh tư-lự chính tâm-thần mà
vạn ngày chẳng rời, nói tuệ thời sùng đều đức hạnh
liên sự tà phi mà phát minh lẽ phải. Cứ thế mà tu gọi
là nhân, cứ thế mà thành gọi là quả, đối với vật loại
từ cỏ bìm, có đại-thệ, có đại-huệ, từ la thường tạo phúc
cho nhân loại, bìm là trăm cứu khổ cho mọi loài, thệ là
đề ràng giới đất mà tìm ra chân-lưỡng, huệ là đem
tính pháp mà huệ thi cho quần sinh, thần mà mình
hững lẽ huyền bí giới đất khó bề che dấu, một mà
m những cơ phương liên quỷ thần nào biết so lường,
vì thuyết pháp thời trở biện tài mà không vấp vấp
c hoàng-dương thời phấn đấu mà chẳng đoai mình,
vì nhân những sự người ta không thể nhẫn được, hay
m những việc il kẻ dám làm, chính mạng thời đi xin
mà không thẹn hổ, quả đực thời tuy mặc áo rách
mà không phải là nghèo, vô-tranh thời nhân nhục mà
ông bị người khinh rẻ, vô oan thời vào đời mà không
o tổn đức hạnh của mình, lấy thật tướng mà tiếp
vời, lấy từ-làm mà tự sử, cho nên đối với thiên-hạ,
được đạo hòa, mọi người tôn kính, vì không nói
i nên chúng-nhân tu cây cang aông, nói pháp vô
ã thời nhân nhượng kính thành, nói sự uy-nhi làm
i-mô cho quần-chúng, nhân thiên nom thấy ai cũng
ún mình, đã hay phúc tuệ cõi đời, lợi khéo cải-
mng thói tục, khí vong hình thời cắt thịt mình cho

cầm-thủ, mà chẳng rụt rè, lúc đọc tụng thời sông pha rét nóng mà không chán nản, khi đi chời khắp thành thị trải thôn-quê, coi danh như vang ứng tiếng, thấy lại như bụi bám mình, nom vật sắc như bóng quáng mặt giới. đối cảnh trần như giăng in đáy nước, gặp người già nua đau ốm. chỗ che khiêng công mà không lấy làm hèn, tụng niệm thuốc thang mà không lấy làm bán, khi ở chùa tuy rằng núi sâu hang thẳm, lấy cỏ làm am, lấy hoa quả làm thức ăn mà vẫn yên nhiên tự đắc. không vì lợi-lộc cảm giận, không sợ thần thế dọa đe, bắt tay Thiên-tử chừ hầu mà không lấy làm vinh; khi một mình thì lấy đạo làm vui, một hình một bóng, mà chẳng lấy làm buồn, khi đồng người thời đem pháp mà họp bạn. dong nạp cả người trong bốn bề mà không lẫn lộn với ai, khi học tập thời ba tạng mười hai bộ kinh, những sách trăm nhà những tiếng nước khác phương xa, không tiếng nào là không hiểu, soạn thuật kinh-diễn thời tác-phẩm đủ về văn-chương, sử-đường trung-đạo không lục về không mà cũng không thiên về có, khi tuyên-học thời thanh tịnh lia hể tạp-niệm, mà biểu lộ bản tịnh thiên-chân, không phân biệt trong tâm ngoài Phật, Tăng này nhân cách hoán toan tâm địa rộng-rãi, đức hạnh đầy đủ, đạo lực hơn nhau, là bậc hiền mà không phải bậc hiền ở cõi thế-gian, là bậc thánh mà không phải bậc thánh ở nơi trần-tục, là một vị Hiền-thánh cao-vượt ra cõi thế-gian, tăng mà như thế ai lại chẳng tôn.

SÙNG-CỒ



Giải đáp bức thư hỏi đạo
CỦA NAM-ĐẦU CƯ-SĨ, BÀI-THƯỢNG
(tiếp theo và hết)

5. Cư-sĩ hỏi :

« — Theo phép tu tịnh-độ có câu « Nhất cú Di-đà vô biệt niệ**m**, bất lao đàn chỉ đảo Tây-phương ». Tại làm sao có người cả đời niệ**m** Phật mà phải xa-đọa ? cũng có người trọn đời cầu Tây-phương mà chẳng thấy Tây-phương thì Tây-phương ở đâu ? Và hai người cầu ấy có phải không là chân thành đâu ? »

Xin đáp :

« — Nước Cực-lạc ở Tây-phương của Đức A-di-đà là nơi thanh-lĩnh vui thú đời đời, cách xa ra ngoài vòng lục đạo, chúng sinh được sinh sang nước ấy được thoát vòng sinh-tử luân hồi. Cưỡi sách « Đại-thừa khởi tín » của Tổ Mã-minh là một vị tổ sinh sau đức Thích-Ca 500 năm, có nói đến thì biết nước Cực lạc và Phật A-di-đà là do lời Đức Thích-Ca thực. Cầu vãng sinh sang nước Cực-lạc có hai cách, một là làm thiện để cầu cho được khi mệnh chung sẽ được Đức A-di-đà tiếp dẫn sang nước Cực-lạc. Hai là khi thiên-định chỉ tâm cho được thấy cảnh-giới nước Cực-lạc hiện ra trước mắt. Thưa xưa người tu trong đạo Phật, ai cũng cầu vãng-sinh trong 2 cách ấy. Nhưng cầu đó nhưng lại cần phải làm điều thiện ra thực-tế mới được.

Cho nên trong kinh A-di-đà đã phân ra ngôi thứ của kẻ thượng-thiện, hạ-thiện ở nước Cực-lạc khác-nhau. Vậy ti sang Cực-lạc đấy mà ngôi hạ-thiện còn kém ngôi thượng-thiện nữa là không có chút thiện duyên thực-tế nào thì sao sang được. Đời sau mới biệt riêng ra một môn gọi là « tu Tịnh độ », chuyên niệ**m** Phật A-di-đà để cầu vãng-sinh. Đó cũng là một phép phương-tiện để giúp cho kẻ độn-căn không đủ tuệ-lực học kinh-sách và cho kẻ tâm đang lấu loạn dễ thu lại, mà chuyên tu-đạo. Đạo Phật truyền sang Tàu, môn Tịnh độ càng thịnh, mới có câu « nhất cú Di-đà vô-biệt niệ**m**, bất lao đàn chỉ đảo

Tây-phương. Trong sách Qui-nguyên ấy, là ý nói cứ chuyên niệm câu « A di đà » thì trông được vãng-sinh. Nhưng khi đã chuyên niệm rồi kẻ độn căn được hiểu đạo, kẻ loạn-tâm được rốc chí, bấy giờ đều phải thực hành tự-giác giác-tha, lợi người lợi vật cho có thiện duyên, thì mới mong sau này được sang Tây-phương Cực-lạc, chứ có phải chỉ ngồi ý ra mà niệm suốt đêm suốt ngày cho đến xuất đời mà chẳng làm được một chút thiện duyên gì, hay là vì cầu danh cầu lợi làm sự giả dối mà mong vãng sinh được đâu.

Nam đầu Cư-sĩ hỏi: Tây-phương ở đâu? Xin thưa: Có 2 Tây-phương, một Tây-phương ở bụng mình. Mình cầu Tây-phương thì mình cứ hỏi ở tâm mình, mình có thiện nhiều hay ít, có thiện thực hay hư, mình sẽ có đáng được sang Tây-phương hay không, mình tự biết lấy, người ngoài không thể hiểu được.

Còn như Nam-đầu cư-sĩ nói: người cầu Phật, đều không phải là không châu thành, thế mà một người cả đời niệm Phật mà phải xa đạo, một người trọn đời cầu Tây phương mà chẳng thấy Tây-phương? Nhưng sự chân thành hay không là ở trong tâm họ, sao ta biết được. Vả họ có bị xa-đạo, cùng chẳng được vãng sinh hay không, cũng đều ở cái thân sau lúc mệnh chung của họ sao ta biết được. Còn như ở hiện thế, thấy có người thành tâm cầu Phật mà bị tai nạn, thì cái tai nạn đó là cái báo của đời quá-khứ còn lại.

6. Cư sĩ hỏi :

« - Đức Giáo-chủ Thích-ca khi ngài mới sinh, Ngài đã tự biết rằng « Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn », đến khi ngài hoằng pháp độ sinh ngài lại thuyết ra thuyết « vô ngã », như thế chẳng là ngài đã vị cái hữu-ngã, thì ra đời Ngài hai cái thuyết trái hẳn ?

Xin đáp :

« - Trước khi giải đáp về nghĩa hai chữ « ngã » trong câu hỏi trên ấy, tôi xin biện minh câu « duy ngã độc »

tôn » mà xưa nay các sách chép là Đức Thích-ca lọt lòng ra ngài chạy đi 7 bước, và nói : « Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn », rồi Ngài mới năm xuống đất như các tiểu nhi mới sinh khác. Nay một nhà lịch sử học Đông-phương mới tra cứu các sách Ấn-độ và sách khảo-cổ khác ở Ấn-độ, làm lại bộ lịch sử Phật Thích-ca theo chứng thực mà nói rằng :

« Khi Đức Thích-ca giác ngộ được đạo vô thượng chính đấng chính giác rồi. Ngài mới nói lên rằng : « Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn », nghĩa là khắp tam giới, cõi thiên cõi nhân, chỉ có ngài là giác ngộ ra được đạo chính-giác ấy thì chỉ có Ngài là tôn quý hơn. Người đời tôn gọi ngài là Thiên nhân giáo chủ là tam giới đạo sư, thì ngài lấy rằng mình phát minh ra một đạo rất tôn quý trong Tam giới tiện thị mình là bậc rất tôn quý ở thiên thượng thiên-hạ, nên ngài mừng mà sung như thế là phải chứ có gì là kiêu căng hữu-ngã.

Nhà sử-gia ngày nay xét ra và đính chính câu ấy ở lúc thành đạo như thế mới đúng với tình lý, với sự thực, chứ như các sách cũ nói câu ấy là ngài nói khi ngài mới lọt lòng ra, thì chẳng hóa ra sự quái đản lắm dư.

Vậy xin giải về nghĩa 2 chữ « Ngã » ở câu cư-sĩ hỏi : Hai chữ « ngã » này, nghĩa dùng khác nhau, chữ « ngã » ở câu « duy ngã độc tôn » là chỉ riêng về một đức Thích-ca, chỉ về đạo của Ngài. Tức là Ngài nói chỉ có Thích-ca này hay là chỉ có đạo của Thích-ca này là tôn quý hơn hết ở trên dưới cõi nhân thiên ».

Đức Thích-ca Ngài tự phát minh ra được một đạo ngài tự nhận làm đạo ấy sẽ đề dạy cho cả chúng sinh Tam-giới thì Ngài tự tin rằng chỉ có ta (Thích-ca hay đạo của Thích-ca) là tôn quý hơn hết trên dưới các cõi thiên nhân là sự đống lăm, có gì là tư tâm là hữu ngã.

Còn khi Ngài thuyết-pháp Ngài thuyết nghĩa « vô ngã » thì chữ « ngã » này là đối đãi với chữ « nhân » mà nói chữ « ngã » đối với chữ « nhân » này nó chỉ chung cho từng người khi họ đối với kẻ khác. Tức là nó ngăn lấp

khiến cho kẻ ấy chỉ biết có một mình mình (ta, tôi) mà không còn nghĩ gì đến ai nữa. Đạo của đức Thích-ca là bình-đẳng không có sai biệt thân sơ, sang hèn, chúng sinh là mình, mình là chúng sinh, phải bác ái, phải phải độ, nên ngài thuyết nghĩa « vô ngã », tức là không nên riêng một mình mình:

Như thế hai chữ « ngã » trong đời đức Thích-ca là hợp cả chữ không phải là trái nhau.

Mấy lời kia đáp trần-trọng, xiu Nam-đầu cư-sĩ tuệ-giám

Đ. N. T.

VĂN UYÊN

I. CHÙA HƯƠNG-TÍCH

Muôn trùng núi ngát, giữa hang sâu,
Thế-giới thu riêng lại một bầu ;
Đá vách long-lanh nện ngũ-sắc,
Hương lò ngao-ngát dấu thiên-thâu

II. CHÙA LONG-TIÊN (Lạng-sơn)

Cõi trần ngang-dọc tới chùa Tiên,
Lễ Phật Như-lai trước kệ-tiên ;
Ba lạy đĩnh-ninh tan mộng điệp,
Một lời trần-trọng bỗng hồn quỳên.
Non vu xót kẻ còn ham giặc,
Cửa Thích riêng ta khỏi chút phiền.
Gặp-gỡ tình đây phong-cảnh đó,
Cũng là phúc-đức, cũng là duyên.

III. CHÙA LƯƠNG (Phúc-lâm)

Tay lần trang-hạt, miệng nam-mô,
Cánh Phúc-lâm chơi trót hện hò,
Kệ mở dăm tờ sư lúi húi,
Sen thòe chín cánh Phật lộ-nhỏ.
Giường thiền cơn tỉnh om làn mỡ,
Bóng tuệ canh khuya gợn nước hồ.
Duy-nguyện trời tây như có thấu,
bề trần tế-độ chúng-sinh cho.

N. V. Đ.

青去紫是黃非。種七邪觀。何殊盲漢。逢人好色。斜
眄偷窺。瞎却未生本來面目。見他財寶。正覷瞪睛。
遇彼貧窮。蒙眸不顧。他家死喪。乾泪無痕。親眷
傷亡。潛然泣血。或見三寶。或入伽藍。近像對經。
畧無瞻視。佛堂僧舍。男女相逢。眼去眉來。迷荒色
慾。不驚護法。不畏龍神。極目貪歡。曾無俛首。如斯
等罪。無量無邊。從眼根生。墮於地獄。經恒沙劫。方
得受生。縱得受生。還遭盲報。若不懺悔。難以消除。
今對佛前。悉皆懺悔。

懺悔已志心皈命禮十方無上三寶。

志心勸請

勸請十方三世佛。及諸菩薩聖賢僧。

廣開無量慈悲心。同證眾生登彼岸。

六
勸請已志心皈命禮十方無上三寶。

志心隨喜

我今隨佛生歡喜。昏曉虔誠禮懺因。

十地階梯願早登。菩提真心無退轉。

隨喜已志心皈命禮十方無上三寶。

KHÓA HƯ GIẢNG YẾU

HÁN

.. thanh khứ, tử thị hoàng phi. Chúng chúng tà quan, hà thù
manh hán! Phòng nhân hảo sắc, tà miện thâu khuy. Hạt
khước vị sinh, bản lai diện mục. Kiến tha tài bảo, chánh kí
trùng tình; ngộ bỉ bản cùng, móng máu bắt cổ. Tha gia tử
tăng, cần lệ vô ngân; Thân quyền thương vong, san nhiên khắp
buyệt. Hoặc kiến Tam-bảo, hoặc nhập già lam, cận tượng đối
kinh, lược vô chiêm thị. Phật đường tăng xá, nam nữ tương
phùng, nhãn khứ my lai, mê hoang sắc dục. Bất kinh Hộ-pháp,
bất úy Long thần, cực mục tham hoan, tăng vô phủ thủ. Như
tr dâng tội, vô lượng vô biên, tông nhân căn sinh, đọa u địa
ngục Kinh hằng sa-kiếp, phương đắc thụ sinh. Tuy đắc thụ sinh,
hoàn tao manh báo. Nhược bất sám hối, nan gỡ tiêu trừ. Kim
đôi Phật tiền, tất giai sám hối.

VIỆT

Xanh qua trắng lại, tía phải vàng sai. Coi bao sự bậy,
chẳng khác kẻ lừa. Gặp người sắc đẹp, ngang liếc trộm ròm.
Lóa ngay mắt chính, tự thừa chưa sinh. Thấy ai giàu có,
dương mắt mãi nhìn, gặp kẻ bản cùng, lờ đi chẳng đoái. Người
khác chết chóc, con mắt tráo trung; Kẻ bản lia trần, khóc
thương rơi máu. Hoặc thấy Tam bảo, hoặc tới chùa chiền, gần
tượng thấy kinh, nhác không coi đến. Điện Phật, phòng tăng,
gái trai gặp gỡ, liếc lại nhảy đi, mê hoang sắc dục. Chẳng kinh
Hộ-pháp, chẳng sợ Long-thần. Trố mắt ham vui, ngừng đầu
không cúi. Những tội như thế, vô lượng vô biên. Tự căn mắt
sinh, đọa vào địa ngục. Trải hàng sa kiếp, mới được thụ-sinh.
Dù được thụ sinh, lại bị mù trột. Nếu chẳng sám hối, khó
được tiêu trừ. Đối trước Phật nay, đều sám hối cả.

HÁN

Sám hồi gi chí tâm quy mệnh lễ Thập phương vô lượng Tam-bảo.

Chí tâm khuyến thỉnh

Khuyến thỉnh thập phương tam thể Phật,

Cập chư bồ tát thánh hiền tăng.

Quảng khai vô lượng từ bi tâm,

Đồng chứng chúng sinh đặng bỉ ngạ.

Khuyến thỉnh gi chí tâm quy mệnh lễ Thập phương vô lượng Tam-bảo.

Chí tâm tùy hỷ

Ngã kim tùy Phật sinh hoan hỷ,

Hôn hiền kiến thành lễ sám nhân.

Thập địa giai thể nguyện tảo đưng,

Bồ đề chân tâm vô thoái chuyển.

(Sám hồi đoạn rốc lòng kính lễ vô-lượng Tam-bảo khắp mười phương).

Rốc lòng khuyến mời

Khuyến mời mười phương ba đời Phật,

Và các bồ-tát thánh hiền tăng.

Mở rộng lòng từ bi vô cùng,

Độ hết chúng sinh sung bờ sông.

(Khuyến mời đoạn rốc lòng kính lễ vô-lượng Tam-bảo khắp mười phương).

Rốc lòng tùy hỷ

Con nay vui vẻ tin theo Phật,

Hôm mai thành kính sám lỗi xưa.

Bực thang thập địa nguyện sớm qua,

Chân tâm bồ đề không lùi xa.

(Tùy hỷ đoạn rốc lòng kính lễ vô-lượng Tam bảo khắp mười phương).

BÁT NHẢ TÂM KINH CHỨC GIẢI

觀自在菩薩行深般若波羅密多時照見五蘊皆空度一切苦厄。

« Quán-tự-tại bồ-tát, hành thâm bát-nhả-ba-la-mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách »

Đoạn này kể rõ cái chỗ ngồi Quán-tự-tại bồ-tát tu hành trí-tuệ đã chứng tới cái quả cùng cực, người tu hành, muốn đến được chỗ của bồ-tát đã đến thì phải y theo cái trí-tuệ của ngài đã tu hành mà tu, thì chỗ tin giải mới không dọa vào nơi tâm-kiến giải lầm, mà nhân-lành quả-chứng không lạc vào chỗ chấp không thiên lệch (thiên không) chấp không chết đặc (ngoan không) mà kết quả lên tới cái quả cùng tột bên bờ kia

Đoạn này cũng là lời tựa cả toàn kinh. Câu đầu là nêu hết cái ý chỉ cốt yếu của toàn kinh và cái nhân địa có thể tu hành được của người đương-cơ, rồi theo trong tựa mà diễn thuyết ra, lần lần chỉ bảo, khiến cho người tu cứ thế mà ngộ vào Quán-tự-tại bồ-tát, tức là vị bồ-tát mà trong kinh Pháp-hoa và kinh Lăng-nghiêm kêu là Quán-thế-âm bồ-tát. Vì kinh Pháp-hoa thì do nơi nghe tiếng tâm mà ngộ vào ; Kinh Lăng-nghiêm thì do căn tai mà ngộ vào, nên kêu là Quán-thế-âm, kinh này thì do căn mắt mà ngộ vào, nên kêu là Quán-tự-tại. Vì chỗ chủ yếu khác nhau, nên cũng tu ý theo công dụng đặt tên riêng mà chỗ quy-túc thời vẫn là một vậy. Pháp-hoa lấy sự kêu tên được ích-lợi, tên là cái hình tướng của tiếng tâm, mà cái tính của tiếng tâm nguyên không có, vì nghe mà thành tiếng, cho nên tiếng không có tự tính, mượn tiếng để tỏ tính nghe, thì nghe là căn tai, tính nghe là cái thể của các tiếng tâm. Cái tính nghe của căn tai, thể và dụng của nó đều chan khắp, thì tiếng tâm của thế-gian cũng cùng với tính nghe cùng chan khắp. Nghe tức là quán-chiếu, cho nên cái tên Quán-thế-âm, chan khắp cả mười phương, đúng như trong kinh đã nói : « Các đất nước mười phương, không chỗ nào không hiện thân » vậy. Kinh Lăng-nghiêm lấy căn tai làm viên thông, cũng là bởi cái tính nghe nó chan khắp, như gương sáng bóng, tiếng tâm trong

thể gian, hiển hiện trong tính nghe. Động thì như có xa gần, mà tính thì không có bờ cõi nào, cho nên kêu là Quán-thế-âm, đúng như trong kinh đã nói : « Tiếng Quán thế âm, khắp cả mười phương thế giới » vậy. Kinh này lấy căn mắt mà chiếu thấy, cho nên kêu là Quán-tự-tại. Song một chữ Quán đó, không phải chỉ riêng một căn mắt, lại còn khắp cả sáu căn, không những chỉ ngăn rào ở trong sáu căn, cũng khắp cả sáu trần nữa, lại không những chỉ ở trong sáu căn sáu trần, cũng khắp cả sáu thức nữa. Thế thời chữ Quán đây tức là cái tính mẫu nhiệm của trong căn, lặng yên thường chiếu tỏ, mà viên dong khắp cả mười tám cõi căn, trần, thức, đều là thể chân thật của muôn pháp.

Nhưng nó lặng yên chiếu tỏ mà bất động, cũng như cái gương sáng hiện bóng vật, bóng thì có động, tĩnh, di, lại sinh, diệt, mà cái gương thì vẫn lặng yên soi tỏ, thế gọi là Quán vậy. **Tự-tại** tức chỉ về chữ quán, vì quán mà bất-động, nên gọi là Quán-tự-tại ; Quán-tự-tại tức là chiếu tỏ mà thường lặng yên, thường lặng yên mà không lúc nào không chiếu tỏ, cho nên chiếu tỏ mà thường lặng yên, thì gọi là Quán-tự-tại Quán-tự-tại tức là cái tâm vô-vi, là cái tâm hư-không ứng-phó được mọi vật, nó như cái gương bao hàm cả muôn tượng, thế là **đại-viên kính-trí** ; nó như cái bề, in rõ muôn hình, thế là **đại-viên giác-hải** ; Như trong kinh Hoa-nghiêm kêu là căn-bản-trí, trong kinh Pháp-hoa gọi là một ánh hào quang trắng, hai kinh Lăng-nghiêm Lăng-già gọi là Như-lai tạng, trong kinh Niết-bàn gọi là Pháp thân, mà nêu đầu kinh này là Quán-tự-tại. Xem thế nên biết rằng : Ba chữ Quán-tự-tại không những chỉ là cái tên riêng của ngài Quán-thế-âm, mà trên từ chư Phật bồ-tát, cho đến hết thầy chúng-sinh, đều cùng một lý ấy, bình đẳng như nhau không phải là hai ; vậy thì người tu cần phải hiểu rằng sáu căn của mình, nguyên cũng vẫn có cái tính mẫu-nhiệm Quán-tự-tại mà các kinh cho là nhân chính tính Phật vậy.

Bồ-tát : Nói đủ là Bồ-đề tát-đóa, nay nói tắt là bồ-tát. Bồ

đề nghĩa là giác-ngộ ; tát-đóa, nghĩa là giống có tinh. Giống có tinh tức là chỉ vào các chúng-sinh có sáu tinh-thức, cũng thường gọi là chúng-sinh vậy. Vì thế nên Bồ-tát có khi gọi là giác chúng-sinh, vì tuy là cái thân chúng-sinh mà có cái trí tuệ giác-ngộ tự-tâm, làm được đạo Phật, cho nên gọi là bồ-tát. Lại vì hay trên thì hoàng-dương đạo Phật, dưới thì giáo hóa chúng-sinh, cứu độ cho hết chúng-sinh, cũng thành đạo Phật. Vì hay mở được lòng đạo lớn, cho nên lại gọi thêm là ma-ha-tát. Nay chỉ kêu rằng bồ-tát, cũng là gọi tắt vậy.

Hành-thâm : Hành là tu hành, cũng tức là tiến-hành ; Thâm là hàm có cái lý sâu rộng thâm u khó mà lường được, tức là cái pháp đại-thừa tối thượng thừa vậy, là cái tâm rộng lớn sâu xa vậy ; Thâm, tức là cái tâm mẫu nhiệm ngộ đến cõi sâu vậy ; Thâm, tức là cái lý phạm phu nhị thừa ngoại-đạo không thể hiểu được, duy có Phật và bồ-tát là hiểu biết được. Hiểu được ngang với Phật, cho nên gọi là thâm-giải, y theo chỗ thâm-giải mà khởi hành, cho nên gọi là hành-thâm. không phải kẻ học hiểu nông nổi có thể hiểu tới được, cho nên kêu là hành-thâm. Xem thế thì biết hai chữ hành-thâm đó, là một nhời giầy rất thâm thiết của Phật, là muốn cho chúng sinh tâm hiểu đến chỗ sâu xa, đừng có nghĩ tưởng những chỗ dễ dàng nông nổi, cho nên hai chữ hành-thâm đó, cũng có thể gọi là lời tán pháp được. Nếu hay làm được cái pháp sâu-xa ấy thì trong nhân là quả, tâm tức là Phật, không phải cầu ở ngoài, Phật tức là tâm, không phiền phải tìm kiếm đâu nữa. Cừ ngộ tự tâm, tức là như như Phật, không phải trải qua thứ bậc lần lượt, mà tự đến cái quả cùng cực bên bờ kia, công-hành như thế há chẳng là sâu lắm ư ? Nếu bảo tu hành lâu rồi mới chứng, thế là hành-thâm, thì trái với ý chỉ Tâm kinh này rồi, sao có thể gọi là phép Đại thừa đốn giáo được. Nên biết ba chữ Quán-tự-tại đó, tức là cái tâm chân như. Tự-tại tức là không sinh không diệt. Lấy cái tâm tự-tại không sinh không diệt mà soi xét hết thấy những pháp sinh diệt, thì biết rằng hết thấy mọi pháp, có sinh có diệt mà cái tâm Quán-tự-tại thì nguyên không có sinh diệt. Tự soi xét tâm, thế là bồ-tát.

Biết rõ tâm tức là quán, quán tức là tâm. y đó mà quán hành thể là hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa, trên kia đã giải rồi, đây nói hành thâm bát-nhã ba-la-mật-đa, nghĩa là y theo cái tâm rộng lớn, trí-tuệ, chân như rộng lặng đến cùng bờ kia mà soi xét mọi pháp năm uẩn, hết thấy danh tướng, đều cũng rộng lặng, chỉ có danh-tướng, mà không có cái thể chân-thật. Cái thể tức là chân như rộng lặng, cứ y theo thể ấy mà tự hành, không phải theo đuổi hết thấy danh tướng, cho nên gọi là hành thâm bát nhã ba la mật đa

Thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không : Kinh này lấy trí tuệ làm pháp chân thật, ngoài ra đều là lời tán-pháp cả. Trong hai chữ Trí-tuệ, thì Quán tự tại là trí, tức là trong trí mà có tuệ ; Thời chiếu kiến là tuệ. tức là trong tuệ mà có trí. Trí là cái tính trí căn-bản. Cái linh-quang chân-như tự-lạc sẵn có ấy là trí, vạch tỏ hết chỗ tri-kiến, cho nên gọi gọi là Quán-tự-tại, thể là trong chỗ lặng yên vẫn có chiếu tỏ vậy. Tuệ là cái linh quang vạch tỏ tri kiến, soi thấu muôn vật gọi là tuệ. Nhưng trong chỗ chiếu tỏ vẫn lặng yên, cho nên gọi là tự-tại-tuệ. Thời : tức là chỉ vào lúc đang quán chiếu, là lúc tâm với cảnh đang đối nhau. Chữ Thời đây rất quan trọng, nó là thời thứ nhất, không phải là thời thứ hai vậy. Nếu lúc soi thấy mà động lòng mong nghĩ, tức lạc sa xuống cái thời thứ hai rồi, mà không phải là cái thời thứ nhất nữa. Kinh nói rằng : « Chỉ có một sự ấy là thật, đến hai thì không phải là thật rồi » người có trí tuệ tự khắc biết rõ. Soi thấy tức là tuệ ; hợp với Quán-tự-tại ở trên là cái thể của trí ; hợp với thời chiếu kiến ở dưới là công dụng của tuệ ; hợp với hành thâm bát-nhã ba-la-mật-đa ở giữa, là lấy cái chân-như trí-tuệ soi xét năm uẩn, thì lúc thấy năm uẩn đó, mới xem thấy các tướng của uẩn là không ngay, không chịu uẩn nó che lấp mà xem thấy uẩn đó là duy tâm hiện ra. đã là duy tâm hiện ra thì tự nhiên uẩn không có bản thể, toàn thể đều là tâm, cho nên nói rằng thời-chiếu kiến ngũ-uẩn giai không, Năm uẩn là : sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc tức là thân, thọ, tưởng, hành, thức tức là tâm. Lấy trí-tuệ soi xét thân tâm nguyên là không, cho nên nói rằng ngũ-uẩn giai-không.

Cô con gái Phật hái dâu
(TRUYỆN BÀ Ý-LAN, PHẬT HÓA
LỊCH - SỬ TIỂU THUYẾT)
(tiếp theo)

VIII Vua vờì cô Cám vào cung

Trong nhà trạm hành-cung mé tây trước sân tiền-đường chùa Súi, Thánh-tổng Hoàng-đế ngự trên chiếc sập rồng thếp vàng kê sát bức màn vách thêu một chữ thọ rất lớn. Dương Hoang hậu và Đông-thiên công-chúa ngồi ở chiếc sập rồng gian bên mé đông dưới đó một dòng tràng kỷ bát-tiền dài thì các bà Hoàng-thần, các cung-phi, các Phu-nhân của các quan triều hoặc già hoặc trẻ ngồi chật ních. Lại gian bên mé tây thì các ông Thân-vương Hoàng-thần, Quốc-tịch ngồi, cũng sập cũng tràng kỷ bát-tiền như bên này, trước ngự-tọa hoàng-đế, một cái long-án thếp vàng, trên bày một cái giá cờ lệnh, một cái giá bảo kiếm, một cái hộp nghiên khảm xà-cừ, một cái ống cầm bút và một cái đĩa kỷ bày những hoa qui. Ngoài long án giữa hai dãy ghế bành tượng, những cái án thư ràn mặt phủ khăn thêu trên bày bình hoa khay nước thì các quan triều ngồi đông cả hai bên ghế.

Phần triều vờì những màu sắc, của những bức phương-du gấm, những chùm đèn bóng phất nhựa vẽ màu, những bức hoành phi kết bằng hoa tươi, dát những hạt thóc nếp những hạt gạo trắng, làm hình rồng phượng, cùng những cái cột đan lá dừa, đan rơm cái các hình con giống, người ta thấy sắc những ánh sáng sắc kim ngân, sắc văn thái ở những bộ áo gấm từ Đức vua, Hoàng-hậu đến các quan văn-võ triều-thần cùng mà hết thấy những thứ gấm ấy đều do tay các cung-nữ và các phụ-nữ kình thành Thăng-long dệt ra cả. Nghề dệt gấm ấy, do từ vua Thái tông nhà Lý sáng chế ra, từ đó nước ta không dùng

đến gắm vóc của Tàu nữa. Nay dân-gian đều được mục kích một thứ hóa phẩm cao-qui tinh sảo của nước nhà đã phát đạt đến như thế, người ta càng thêm ca-tụng cái công nghiệp của đời thái-bình.

Sau khi Hoàng-đế, Hậu-phi, các quan triều an-toạ xong, các quan bần hạt vào lễ mừng và tâu trình những nghi tiết lễ bái trong những ngày hội đề Thiên-tử xét qua lại. Vị Đại Tểng-chính là Minh-đạo Thiên-sur trụ ở chùa Hộ quốc kinh thành về làm pháp-chủ hội chùa Sủi này cũng vào nghinh giá và tâu về pháp duyên mà Hoàng-thượng, Hoàng-hậu sắp làm lễ bấy giờ. Vua đều vui mừng nhận lời các quan bần-hạt tâu và cung kính tiễn Hòa-thượng Minh-đạo về Phật-điện lên khóa lễ đề vua vào lễ Phật sau.

Đoạn một hồi nhã nhạc khánh-chúc vừa dứt tiếng-hồn đi bắt phạm-nhân vừa về giải vào trước hành-cung. Đi trước là quan Chánh độ Hồ bốn mặc áo giáp hồng thêu hồ phù gia cá, mũ da hoa vàng, ủng nhung để chiên, thắt đai đeo gươm, ông vừa xuống ngựa giao lính giắt mà đi bộ vào; đi thứ hai là Thị Cám, đưa con gái quê can tội không tuân quân mệnh, không đi xem hội lại đi hái gạo, bị Thiên-tử trông thấy cho bắt lên đề hỏi căn do. Đi thứ ba là viên Trương-tuần làng Thổ-lỗi, đầu đội khăn nhiều điều thắt mũi hậu, áo dài thâm, xà cạp đỏ đi dép, thắt lưng quần lục mũi hậu tay cầm cùi doi xong. Vào đến trước biển hành-cung, quan Chánh Hồ-hôn vội trở cho nữ phạm nhân quý xuống triều trúc tịch rồi ông đứng ra bên cạnh hầu, viên Trương-tuần cũng hoảng-hốt vất cái doi xong ra mà đứng ở một bên cạnh nữa.

Nữ phạm nhân, Thị Cám tuổi chừng mười chín hai mươi một cái vóc người óng-ả dịu-dàng, một cái nét mặt sinh-ròn thùy mỵ với cái tuổi « rày thì »

bây bầy môn môn, dù bị bộ quần áo di làm đồng của gái quê những toan làm vui lấp đi mà vẫn không vui lấp hết. Tuân lời quan Chánh Hồ-bôn, Thị Cám cung kính sụp quỳ xuống, trấp hai bàn tay như khi trấp tay lễ Phật vừa toan dậy xuống thì Hoàng-đế Thánh-tông trông ra thấy giáng một nữ-nhân đang cúi đầu quỳ lạy. Ngái vội hỏi « — Việc gì cho đứng lên tâu ».

Quan Tả Thái giám đứng trầu gần vội truyền lệnh ra, quan Hồ-bôn cũng liền dục thị Cám đứng lên để thị lập đợi chỉ. Thị theo lệnh đứng lên, vẫn trấp bàn tay và đứng một cách thẳng-thắn, trang-nghiêm, thành kính như những lúc đứng niệm Phật ở trước Tam-bảo, thần-sắc vẫn không vì chốn oai-nghiêm, cao quý cực phẩm ấy mà biến đổi

Hoàng-đế trông ra rõ-ràng, ngài bỗng rất mình và băng khuông tưởng như một nàng Duy-ma thiên-nữ hiện thân xuống trần để dự cuộc thắng hội này của Ngài. Ngài nhường còn đang ngạc-ngác thì Tả Thái-giám tâu :

— « Rộng tâu Bệ-hạ, đó là tên nữ phạm-nhân hái dâu dưới ruộng mà quan Hồ-bôn và tên Trương-tuần sở-tại phụng ngọc-chỉ xuống bắt lên ».

Thánh-tông Hoàng-đế như mới định-thần lại, Ngài gật đầu và mỉm cười vui vẻ phán cho Tả Thái giám :

— « Cho thị kia vào tâu gần trước bệ và cho quan Hồ-bôn, Trương-tuần lui ra ».

Quan Tả Thái-giám « dạ » lên một lời rồi cúi đầu bước rảo ra cửa hành-cung, vẫy kẻ nữ phạm-nhân ấy vào và chỉ cho đứng gần long án trước sập ngự. Ngoài cửa cung, qua Hồ-bôn, viên Trương-tuần làng Thổ-lỗi cùng vài tạ lui ra, Trong cung Tả Thái-giám chỉ cho kẻ nữ phạm-nhân quỳ xuống mà lễ. Hoàng-đế liền truyền :

— Tồi miễn cho, cho đứng mà tâu.

Thị Cám đứng lên, lại trấp tay đứng thẳng, cúi đầu

xuống. Hoàng-đế lại truyền cho thị ngàng đầu lên đề tâu cho việc cho rõ-ràng tự-nhiên. Thị Cám bèn ngàng đầu lên trông thẳng vào nơi cờ-kiếp trên long án. Tại phòng tư-lỗ-lộ, một tòa Quan âm thị giả trong chùa, ai đem bày trước bệ rồng của một đấng «Thánh-vương» mộ đạo, mặt hoa mặt rồng, cách nhau cái trong 6 7 thước. Bấy giờ trước mắt, Hoàng-đế trông ra, ngài thấy sau lưng tên nữ phạm nhân, từ Hoàng hậu, Công-núa, các mệnh phụ cung nga, thiếu cái vẻ mà phần môi son, thiếu chi màu ngọc-vàng gấm-vóc trang sức đã làh nghệ, những kiểu cung trang kinh quốc, thế mà vẫn không át được cái nét tươi-sinh cái giang tôn nghiêm của á gái quê ấy ẩn trong bộ quần áo thôn quê mộc mạc,

Bộ quần áo Thị Cám hôm ấy nó chỉ mới chịu được ánh-nước của ngày đại-hội là một cái yếm nhiều mối đồ thắm, còn thì là đồ cũ cá. Nhưng thì là gái nhà trong lưu nền-nếp nên cũng khá vuơng thắm mỗ quạ, cũng áo tứ-thân, váy lụa thắm, thắt lưng trối se, nhưng sạch sẽ tròng-trấu cá. Thị lại chuyên làm nghề canh-cửi, lấm-lơ nên châu tay không bị cục kịch. Hai bàn tay trắng nõn, mười ngón tay mềm gung tròn nuốt trấp chắm chắm trước lau yếm thắm cho cái ngực đầy đặn thêm càng-nghiêm. Gương mặt tròn thon, nước da trắng mịn, đôi con mắt có tua và đen nhánh, lấp-lánh ở dưới đôi lông mày đen cong, tỏ ra vẻ tinh-sạch mà nhiệm-nhật. Với cái miệng tươi-lầu có duyên không hoa sou mà vẫn phơn-phớt đỏ, ngụ bao vẻ nhân lành tình-ái mà chía chầu Cám vẫn đứng yên trong chí tâm-tâm niệm niệm cũng như mọi ngày, cũng như từ lúc bị bắt ở ruộng dầu lêu, nang nhớ lại lời di-chức của mẹ thì nang lại niệm đến danh-hiệu đức Nam-hải Quán-âm bồ tát ma cữu ngài cứu-cứu cứu nạn cho.

(còn nữa)

Nguyễn-trọng-Thuật

CÙNG CÁC NGÀI ĐẠI-LÝ

Chi hội Phật-giáo các Địa-phương

Chiều theo biên-bản hội-dồng ban Đạo-Sư và biên-bản hội-dồng ban Quản-trị Hội Phật-giáo Bắc-kỳ, ngày 19 và 24 Octobre 1937, định rằng : Đã là hội-viên của hội thì mỗi vị phải cùng góp một đồng (1\$00) để khởi công làm chùa Hội quán Trung-ương.

Bởi vậy Hội Phật giáo đã in ra những sớ biên-lai cùng góp ấy và đã gửi đi để các Ngài cho thu của các hội-viên thuộc qui chi Hội (biên-lai giấy đỏ thu bên tại-gia, biên-lai giấy vàng thu bên xuất-gia).

Đến nay đã ngót hai năm, cũng có chi Hội đã thu được và gửi tiền lên nộp quỹ Trung-ương rồi, nhưng cũng còn có nơi chưa gửi về được đồng nào.

Vậy xin có lời thông đạt để các Ngài Đại-lý các chi Hội phát tâm cổ cho đi thu, rồi được bao nhiêu sẽ lần lượt gửi về Trung-ương để tiến hành việc xây dựng ngôi chùa nơi của Hội ta, ở các nơi xa không tiện đem về nộp tại Trung-ương, thì xin các Ngài cứ mua mandat để tên Lê Toại; thủ-quỹ Hội Phật-giáo Bắc-kỳ, số 73 Phố Richaud Hanoi nhận lĩnh, và giả cả cuốn biên-lai (gửi lối bảo đảm) để tiện việc đăng phương danh các vị cùng góp lên báo Đuốc-Tuệ cho thập-phương cùng biết để kích lệ nhân tâm

Còn các chi Hội nào đã đem tiền cùng góp lên Hanoi, nộp cho sư cụ Trần-thanh-Thuyên đương-gia chùa Quán-sứ, thì cũng xin gửi giả lại biên-lai tạm thời ấy về cho viên thư-ký văn-phòng hội-quán Trung-ương để đổi lấy biên lai chính thức cho hợp lệ.

Thư từ giấy má của các chi Hội gửi về việc này nên nhớ đóng dấu của chi Hội để tiện việc kiểm soát

Nay kính đạt

Ban Quản-Trị Trung-ương
Hội Phật giáo Bắc-kỳ

THỜI SỰ

TIN TRONG NƯỚC

Kết quả cuộc số số Đông-dương

Trong phu-trương đặc biệt xuất-bản chiều hôm 8
Décembre Đ. P. đã đăng kết quả cuộc số số Đông-
dương sáng hôm qua ở tòa Đốc-ly. Nay đăng lại những
số trúng theo thứ tự để các bạn đọc tiện dò xét.

Những con số cuối cùng là : 72 và 47 trúng 10 đồng.

Những con số cuối cùng là : 612 và 596 trúng 25 đồng.

Những con số cuối cùng là : 011 trúng 50 đồng.

80 số trúng 100 đồng là :

407 548	408 925	409.412	410 084	415.777	423.826
425.391	437.749	440.515	443 533	444.513	446 554
448.034	451 253	455.110	455.425	456.965	459.067
463.496	463 831	464.468	464.896	465 419	471 678
472.803	474.113	474 864	478.812	479.496	480 408
482.790	483 656	484 713	488 261	495.170	514 724
515 255	518.806	520 861	525 820	527.317	527.373
532.393	534.650	537.875	544.458	545.790	547.675
553.521	555.914	556.510	558.032	557.951	558 783
559 577	562.526	564.774	565 487	565.560	566 313
568 702	575.460	576.675	576.848	583 472	585.880
586.538	587.391	587.638	589 374	589.772	590 811
593 839	595.701	596.901	597 413	5 8.155	598.207
598.443	534.718.				

46 số trúng 500 đồng :

403.526	443.742	447 797	463 888	470.177	479.411
480.432	485 585	495.399	497.014	529.646	535.259
546.228	577.586	581.636	594 012.		

8 số trúng 1.000 đồng :

435.749	460 935	482.615	484.314	530.060	553.330
572.852	599,679.				

Số. trùng 4.000 đồng :

476.562

Những vé số không trùng và không trùng kỳ này đều được dự vào cuộc xổ số lần thứ tư vào ngày 3 Janvier 1940 có các lô lớn trúng 600,000\$00 30,000\$00 và độc-đắc 6 vạn đồng.

Lễ khánh-thành đập nước Ngọc-quang hạ Thanh-hóa

Sáng ngày 4-12, Đức Bảo-đại cung quan Khâm^h sứ Trung-kỳ đã ra Thanh-hóa, chủ lễ khánh-thành đập nước Ngọc-quang hạ. Đập nước Ngọc-quang-hạ này là một cái lợi rất lớn cho nhà nông 3 phủ huyện Thọ-xuân, Thiệu-hóa và Yên-định, 3 phủ huyện này từ xưa, nắng lâu thì bị hạn-hạn, mưa nhiều thì bị úng thùy. dân sự hưởng năm rất khổ sở về nạn mất mùa. Mới đây quan Công sứ Lagrèze và quan Tổng-đốc Ung-úy về kinh-lý, xét địa thế, hai Ngài trừ-hoạch nên xây cái đập nước ở về làng Ngọc-quang để hạn thì lấy nước nguồn về. úng thì tháo nước con sông cầu Chảy đi sông Mã. Khoản kinh phí là 37.300\$ nhưng lại lợi cho 6.600 mẫu ruộng được cấy cấy thuận hòa, thủy hạn vô tai mãi mãi.

Khoản kinh-phí ấy, các nhà điền chủ 3 phủ huyện đem ruộng đất mình ký cho nhà Nông-phổ ngân-bang bản-lĩnh mà vay tiền để làm. Nay hoàn thành làm lễ mừng.

Bắt được chỗ làm hào giả

Ngày 27-11 vừa qua, sở Liêm phóng Fafoo (Trung-kỳ) mới bắt được một nơi làm hào giả như thứ hào mới phát-hành. Thế mà thứ hào giả này làm rất tinh-sảo, xét kỹ mới biết. 4 người với tang vật làm hào giả đã vào lưới pháp luật. Vay bà con tiêu hào nên cần thận, kẻo bị vạ lây.

Lệ xuất cảng tre

Gần đây ở những miền đất núi Trung Bắc-kỳ, có thêm ra được nghề trồng chè, lấy lá non, sao bán cho ngoại-

quốc. Nay có lệnh mới kể từ 1-12-39 các nhà bán chè ở Đông-dương trước khi xuất-cảng chè phải gửi đến công sở 2 gói xia kiểm sát mỗi gói nặng 100 grammes, và đơn gửi cho ông Chef du Service du Conditionnement du thé (Hanoi) chỉ 3 ngày là việc kiểm-xát xong.

TIN THẾ GIỚI

TIN CHIẾN-TRANH Ở ÂU CHÂU

Cứ những tin báo rất gần đây thì tình-hình chiến-tranh ở Âu châu như sau này :

Mặt trận Đức Pháp

Tin Arip, Londre ngày 6-12 nói quân Quốc-xã của Đức đang tập-trung cả ở miền Luxembourg, và cho rằng đó là quân Đức dự-bị để đánh vào những nơi phòng thủ rất kiên cố của chiến-lũy Majinot. Quân lính đông nghịt đường đi từ trong nội địa Đức kéo ra miền Treves và Mazig. 2 sư đoàn quân Đức tập-trung ở biên-giới Hà-lan tháng trước, nay hình như cũng đưa cả về khu này.

Quân Đức 6 lần tiến thối bị đánh lui cả 6 lần

Tin Arip ở Paris ngày 6-12 nói cách đây một tuần lễ, quân Đức tiến-công ba lần liên-tiếp ở miền phía đông sông Moselle, tả dực phòng-tuyến chung của quân Pháp. Ngày hôm kia, quân Đức lại ba lần tiến đánh miền Wissembourg ở gần mặt trận Lorraine và mặt trận Alsace, hữu dực quân Pháp. Hôm qua họ lại tiến công 6 lần ở Lorraine, khoảng giữa chiến tuyến pháp. Song trước sau các trận tiến công của Đức đều bị thất bại, không hề bắt được một tù binh nào của Pháp.

Về mặt bể, Đức quyết dùng những thủy-lôi phục có từ thạch khí, thả các đường bèo để đánh phá các tàu tải tàu chiến của Đồng-minh Anh Pháp. Thứ thủy-lôi ấy, rất nguy hiểm vì nó gần sát là hút vào và nổ. Tàu Anh bị vỡ vì thứ thủy-lôi này nhiều. Hiện nước

Anh đã lấy gỗ bọc ngoài các tàu để tránh khí từ-thanh ấy. Lại ở Đại Tây-dương, chiếc tàu « Bretagne » tàu vận-tải, của Pháp bị tàu ngầm Đức phóng thủy-lôi đánh đắm mà không báo trước. Nhưng thủy-thủ trong này đều lên được cả.

Mặt kinh-tế, Anh Pháp cho rằng Đức kém về mặt kinh-tế nên 2 nước quyết triệt Đức về mặt ấy. vì Anh đã cho tịch thu hết hàng-hóa của Đức hoặc hàng-hóa có một phần tính-cách Đức mà bất kỳ tàu nước nào chở cũng bị tịch-thu.

Mặt trận Nga Phần

Đức ngờ cho Nga xâm chiếm Phần-lan để giảm vây cánh Anh ở Âu-bắc Nhưng Phần tuy nhỏ, thà chết chẳng thà mất tự-do, nên quyết cùng sống mái. Thủy lục không quân Nga tràn vào đất Phần đều bị quân Phần phản-công rất kịch-liệt.

Tin Pháp ở Helsinki ngày 3-12 nói quân Nga đánh Phần là quân đoàn thứ 7 do tướng Mereskiö chỉ huy, có tất cả 11 sư đoàn và chiến-xa, Tin Thụy-điển nói quân Phần ước 40 vạn chống với nửa triệu quân Nga, tuy quân Nga có tiến được ít nhiều mà bị thiệt hại lớn. -- Tin Mỹ ở Helsinki ngày 6-12 nói có tin chính-thức rằng 2.000 quân Nga bị chết và 64 chiếc phi-cơ Nga bị phá-hủy tại eo đất Carelie.

Tin ở Copenhagen ngày 6-12 nói Phần-lan hôm nay cho các phi-cơ đến đánh một trường máy bay của Nga ở gần Mourmansk thả bom này lửa đốt phá nhiều máy bay kiêu mới của Nga. Theo tin Mỹ ở Moscou ngày 6-12 thì quân thủy của Nga lại chiếm-cứ được đảo Hoagland trong vịnh Phần-lan không bị quân Phần đánh lại.

Tin Arip cũng ngày 6-12 nói Ý cho đưa 50 chiếc phi cơ sang cho Phần và Đức vẫn bán nhiều khí giới cho Phần để chống với Nga.

NGÀY LỄ KHANH ĐÀN ĐỨC DI-ĐÀ

Tại chùa Quán sứ Hanoi

Ngày 16 tháng một ta (26-12-1939)

- 10 giờ chừ tâng làm lễ cúng Phật.
- 3 giờ chiều lễ đại sám.
- 5 giờ rưỡi chiều vào khóa niệm.
- 6 giờ chiều lễ sám nguyện.
- 7 giờ rưỡi tối ban Hộ-niệm lên Khóa-lễ.
- 8 giờ rưỡi tối giảng kinh Di-đà.

Ngày 17 tháng một ta (27-12-1939)

- 8 giờ sáng học sinh lớp tiểu học khóa lễ.
- 10 giờ chừ tâng làm lễ lục cúng.
- 2 giờ chiều lễ sám Hồng danh.
- 4 giờ rưỡi chiều ban đồng-nữ lên khóa lễ 48 nguyện.
- 5 giờ rưỡi khóa niệm.
- 7 giờ tối giảng kinh.
- 8 giờ tối đại lễ nhiều Phật.

Xin kính mời thập-phương giáo-hữu trong hai ngày đến lễ Phật.

Ban Trị-sự Hội Phật-giáo kính mời